

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 24 và 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T1.

Ông Nguyễn Thanh T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Nhật B - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T1.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Nhật B có mặt, ông Nguyễn Văn D1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:

Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Văn D1 đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021:

Số tiền vay: 30.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Thời hạn vay: 24 tháng.

Lãi suất vay: 12%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150 % lãi suất vay trong hạn.

Phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi được chia đều 24 kỳ (01 tháng/kỳ) và được trả vào ngày 27 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày 22-10-2023. Tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 1.250.000 đồng, tiền lãi phải trả mỗi kỳ là 300.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Không có.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, cụ thể đã trả được 15 kỳ, còn nợ 09 kỳ chưa trả. Dư nợ tính đến ngày 24-7-2024 (ngày xét xử) là 16.423.849 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 11.250.000 đồng (09 kỳ x 1.250.000 đồng)

Nợ lãi trong hạn: 2.700.000 đồng (09 kỳ x 300.000 đồng)

Nợ lãi quá hạn, chậm trả: 2.473.849 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến hiện tại ông Nguyễn Văn D1 vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn D1 trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số nợ tính đến ngày 24-7-2024 là 16.423.849 đồng. Yêu cầu tính tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24-7-2024) cho đến khi ông D1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn D1: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D1 vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn D1 trả tiền theo hợp đồng tín dụng được quy định tại Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021 thể hiện ông Nguyễn Văn D1 có vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 27 của tháng, trả trong 24 kỳ, mỗi kỳ trả 1.250.000 đồng. Căn cứ đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S thể hiện tính đến ngày 24-7-2024 dư nợ gốc là 11.250.000 đồng tương đương với 09 kỳ, như vậy ông D1 đã trả 18.750.000 đồng tương đương với 15 kỳ. Ông D1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ số tiền Ngân hàng TMCP S yêu cầu nhưng ông D1 không có ý kiến phản đối. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông D1 có vay và hiện tại còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền gốc 11.250.000 đồng, tương đương với 09 kỳ trả nợ theo thỏa thuận.

Theo Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021, các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ kỳ cuối vào ngày 22-10-2023. Như vậy ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông D1 trả nợ gốc 11.250.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc 11.250.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với nợ lãi trong hạn:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021 thể hiện đây là khoản vay có thời hạn và có lãi. Do đó căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, ông D1 có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất thỏa thuận là 12%/năm, tiền lãi mỗi kỳ phải trả là 300.000 đồng (30.000.000 đồng x 12%/12 tháng). Như vậy, ông D1 đã trả 15 kỳ,

còn nợ 09 kỳ nên số tiền lãi trong hạn còn nợ là 2.700.000 đồng (300.000 đồng x 09 kỳ).

Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu đối với tiền lãi trong hạn 2.700.000 đồng là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi trong hạn là 2.700.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với nợ lãi quá hạn:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021 thể hiện lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, cụ thể là 18% (12% x 150%). Các bên thỏa thuận việc trả nợ gốc 1.250.000 đồng theo kỳ vào ngày 27 hàng tháng, tuy nhiên ông D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên ông D1 có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ. Tiền lãi được tính như sau:

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-02-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 423 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 260.754 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-3-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 395 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 243.493 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-4-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 364 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 224.384 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-5-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 334 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 205.890 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-6-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 303 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 186.781 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-7-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 273 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 168.288 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-8-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 242 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 149.178 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 28-9-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 211 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 130.068 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 1.250.000 đồng, tính từ ngày 23-10-2024 (thỏa thuận kỳ cuối trả vào ngày 22-10-2024) đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$1.250.000 \text{ đồng} \times 186 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 114.657 \text{ đồng.}$$

- Nợ gốc tính lãi 11.250.000 đồng, tính từ ngày 26-4-2024 đến ngày 25-7-2024 (ngày xét xử), với mức lãi 18%/năm:

$$11.250.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times (18\%/365 \text{ ngày}) = 499.315 \text{ đồng.}$$

Như vậy tổng cộng tiền lãi quá hạn tính từ ngày 28-02-2023 đến ngày 24-7-2024 là 2.182.808 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với tiền lãi quá hạn là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi quá hạn là 2.182.808 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với nợ lãi chậm trả:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021 thể hiện đây là khoản vay có thời hạn và có lãi, các bên thỏa thuận việc trả tiền lãi vào ngày 27 hàng tháng, tuy nhiên ông D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền lãi theo hợp đồng nên căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự thì ông D1 có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả lãi. Tiền lãi được tính như sau:

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-02-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 423 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 34.767 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-3-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 395 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 32.466 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-4-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 364 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 29.918 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-5-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 334 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 27.452 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-6-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 303 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 24.904 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-7-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 273 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 22.438 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-8-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 242 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 19.890 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 28-9-2024 đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 10%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 211 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 17.342 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 300.000 đồng, tính từ ngày 23-10-2024 (thỏa thuận kỳ cuối trả vào ngày 22-10-2024) đến ngày 25-4-2024, với mức lãi 18%/năm:

$$300.000 \text{ đồng} \times 186 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 15.288 \text{ đồng.}$$

- Nợ lãi trong hạn chưa trả 2.700.000 đồng, tính từ ngày 26-4-2024 đến ngày 25-7-2024 (ngày xét xử), với mức lãi 10%/năm:

$$2.700.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times (10\%/365 \text{ ngày}) = 66.575 \text{ đồng.}$$

Như vậy tổng cộng tiền lãi chậm trả lãi tính từ ngày 28-02-2024 đến ngày 24-7-2024 là 291.041 đồng. Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu tiền lãi chậm trả lãi là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi chậm trả lãi là 291.041 đồng.

[7] Tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi tổng cộng là 16.432.849 đồng, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được thực hiện theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021 và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[9] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Văn D1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 821.192 đồng (tương ứng với 5% số tiền có nghĩa vụ trả).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn D1.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 16.423.849 đồng (mười sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) gồm tiền gốc 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi trong hạn 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả 2.473.849 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

1.2. Kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2024 cho đến khi thi hành xong, ông Nguyễn Văn D1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126366280 ngày 22-10-2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 821.192 đồng (tám trăm hai mươi một nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 397.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003674 ngày 13-6-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn D1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng